TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2018/KDTM-ST
Ngày 11 / 5 /2018
V/v " Tranh chấp
hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Dương Thị Thanh Thúy.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2017/TLST- DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23a/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn Việt Nam (Agribank).

Địa chỉ: 18, Trần Hữu Dực, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Trung H -Chức vụ Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn Việt Nam -Chi nhánh thành phố B (Theo văn bản ủy quyền số 509/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Trung H: Ông Võ Văn M - Chức vụ: P.Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố B (Theo văn bản ủy quyền số 489/UQ-NHNoTp ngày 27 tháng 11 năm 2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Lương P – Hội viên Hội Luật gia Việt Nam, tỉnh B.

Địa chỉ: 25C, Đoàn Hoàng Minh, phường 5, thành phố B, tỉnh B.

2.*Bị đơn:* Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1962.

Ông Nhan Hữu T1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 200B, khu phố 1, phường 8, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 31/7/2009 bà Phạm Ngọc T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn Việt Nam -Chi nhánh thành phố B vay số tiền 760.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 7101LAV200807344/HĐTD. Mục đích vay để mua bán tạp hóa, lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay 01 năm. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng áp dụng nhiều biện pháp để thu hồi nợ nhưng không có kết quả. Tổng số nợ gốc hiện còn là 546.700.000 đồng, tiền lãi đến ngày 11/5/2018 là: 335.400.548 đồng, tổng số nợ gốc và lãi là 882.100.548 đồng.

Số nợ trên được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp như sau:

-Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 200902140/HĐTC ngày 30/7/2009 gồm: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 722635 do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp ngày 22/7/2009 đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 38, diện tích 3.770 m^2 tọa lạc xã Bình Hòa, huyện G , tỉnh B; Tài sản gắn liền với đất: 01 nhà ở 160 m^2 vách tường, nền gạch bông, cột bê tông, mái tole tọa lạc ấp 2, xã Bình Hòa, huyện G , tỉnh B.

-Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LCP200806714/HĐTC ngày 13/11/2008 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 31/7/2009. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.003,3 m^2 tọa lạc phường 8, thành phố B.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Phạm Ngọc T cùng chồng là ông Nhan Hữu T1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi đến ngày 11/5/2018 là 882.100.548 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 12/5/2018. Trường hợp bà T ông T1 không trả hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi các tài sản đã thế chấp của bà T ông T1 để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Ngọc T ông Nhan Hữu T1 không đến Tòa án, đồng thời không có gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 55A8002301 ngày 25/5/2007 bà Phạm Ngọc T có đăng ký kinh doanh, bà T ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố B, các bên phát sinh tranh chấp hợp đồng nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tống đạt được Thông báo thụ lý vụ án cho bà Phạm Ngọc T ông Nhan Hữu T1 do ông bà đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam biết

là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2]Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Ngọc T ông Nhan Hữu T1 vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đồng thời ông bà không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Vào ngày 31 tháng 7 năm 2009 bà Phạm Ngọc T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố B vay số tiền 760.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 7101LAV200807344/HĐTD. Mục đích vay để mua bán tạp hóa, lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay 01 năm. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T chỉ trả được số tiền vốn là 213.300.000 đồng, tiền lãi là 36.726.798 đồng nhưng không tiếp tục thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, không trả vốn và lãi cho Ngân hàng đúng thời gian đã thỏa thuận. Tổng số tiền bà T còn nợ đến ngày 11 tháng 5 năm 2018 là 882.100.548 đồng trong đó nợ gốc là 546.700.000 đồng, tiền lãi đến ngày 11 tháng 5 năm 2018 là 335.400.548 đồng.Việc bà T không trả tiền cho Ngân hàng đúng như thỏa thuận là đã vi phạm hợp đồng nên bà phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 11 tháng 5 năm 2018 là 882.100.548 đồng.

[4]Ông Nhan Hữu T1 là chồng của bà Phạm Ngọc T, bà T vay tiền về kinh doanh phục vụ kinh tế gia đình chung nên ông T1 có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả cho Ngân hàng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn Việt Nam số tiền nợ nêu trên.

[5] Để đảm bảo khoản tiền vay, bà Phạm Ngọc T ông Nhan Hữu T1 đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 100902140/HĐTC ngày 30/7/2009 gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 38, diện tích 3.770 m^2 tọa lạc xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh B; tài sản gắn liền với đấtlà 01 nhà ở 160 m^2 vách tường, nền gạch bông, cột bê tông, mái tole tọa lạc ấp 2, xã Bình Hòa, huyện G, tỉnh B. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LCP200806714/HĐTC ngày 13/11/2008 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 31/7/2009. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.003,3 m^2 tọa lạc phường 8, thành phố B. Các hợp đồng này được ký kết đúng theo quy định của pháp luật.Trường hợp bà T ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5] Do vi phạm nghĩa vụ nên bà T ông T1 phải liên đới chịu án phí KDTM-ST theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phía Tòa án là: 23.284.021 đồng (20.000.000 đồng + (82.100.548 đồng x4%).

[5] Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1.Buộc bà Phạm Ngọc T ông Nhan Hữu T1 liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn Việt Nam (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn Việt Nam-Chi nhánh thành phố B đại diện nhận) số tiền nợ tính đến ngày 11 tháng 5 năm 2018 là 882.100.548 đồng (Tám trăm tám mươi hai triệu một trăm nghìn năm trăm bốn tám đồng), trong đó nợ gốc là 546.700.000 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng), lãi quá hạn là 335.400.548 đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn năm trăm bốn tám đồng).

Trường hợp bà Phạm Ngọc T ông Nhan Hữu T1 không trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền trên thì bà Phạm Ngọc T ông Nhan Hữu T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7101LAV200807344/HĐTD ngày 31 tháng 7 năm 2009 được ký kết giữa bà Phạm Ngọc T ông Nhan Hữu T1 với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam –Chi nhánh thành phố B tính từ ngày 12tháng 5 năm 2018 đến khi trả xong nợ .

Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp bà Phạm Ngọc T ông Nhan Hữu T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

-Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 38, diện tích 3.770 m^2 tọa lạc xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh B; tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở 160 m^2 vách tường, nền gạch bông, cột bê tông, mái tole tọa lạc ấp 2, xã Bình Hòa, huyện G, tỉnh B theo hợp đồng thế chấp số 200902140/HĐTC ngày 30 tháng 7 năm 2009.

-Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.003,3 m^2 tọa lạc phường 8, thành phố B theo Hợp đồng thế chấp số LCP200806714/HĐTC ngày 13/11/2008 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 31 tháng 7 năm 2009.

2.Về án phí:

-Buộc bà Phạm Ngọc T ông Nhan Hữu T1 phải liên đới chịu án phí KDTM-ST có giá ngạch là 23.284.021 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn hai mươi mốt đồng) .

-Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn Việt Nam (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố B đại diện

nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.427.000 đồng theo biên lai thu số 0013942 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3.Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA -TAND tỉnh B;
-VKSND Tp. B;
-Chi cục THADS Tp. B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở